

**Lời BBT:** Ngày 20/7/2011, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 1700/QĐ-UBND về Chương trình phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015. Để giúp bạn đọc tìm hiểu về vấn đề trên, Thông tin KH&CN trích đăng một số nội dung của Chương trình.

# CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

## I. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng và giá trị nông nghiệp sản phẩm. Trọng tâm là đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, đầu tư thâm canh, đa dạng sản phẩm để nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế rừng, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản... đẩy nhanh CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực, hiệu quả và bền vững.

Khôi phục và phát triển mạnh ngành nghề nông thôn theo hướng phục vụ cho sự nghiệp CNH-HĐH sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phát triển chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, góp phần tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động.

Gắn tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn với từng bước xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, văn minh, nâng cao dân trí, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phù hợp với lộ trình và tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,5-5% (nông nghiệp 5,5%, thủy sản 7,6%, lâm nghiệp 1,9%), tỷ trọng chăn nuôi chiếm 43-44% trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu ngành nông-lâm-ngư nghiệp: Nông nghiệp 66% (trồng trọt 54%, chăn nuôi 44%, dịch vụ 2%); thủy sản 27% (khai thác 57%, nuôi trồng 40%, dịch vụ 3%); lâm nghiệp 7%.

Sản lượng lương thực 27,5 - 28 vạn tấn; diện tích cao su 17.000 - 18.000 ha, sản lượng mù khô 10.000 - 11.000 tấn; diện tích canh tác có giá trị cao 14.000 ha, chiếm 19,5% diện tích canh tác.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 56.000 tấn.

Tổng sản lượng thủy sản 46.000 tấn (khai thác 33.000 tấn, nuôi trồng 13.000 tấn).

Độ che phủ rừng 67,5-68,5%. Trồng rừng tập trung 5.000 ha/năm. Khai thác gỗ rừng tự nhiên hằng năm theo phương án điều chế rừng gắn với quản lý rừng bền vững; khai thác gỗ rừng trồng 200.000 m<sup>3</sup>/năm.

Tỷ lệ diện tích tưới chủ động đạt trên 94%, tiêu chủ động cho 10.000 ha lúa. Tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 80-85%. Số hộ có nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh 90%.

Hoàn thành xây dựng quy hoạch nông thôn mới cho 100% số xã và có 28 xã (20%) đạt tiêu chí nông thôn mới.

#### 2.2. Ngành nghề nông thôn

Giá trị sản xuất ngành nghề nông thôn đạt trên 2.200 tỷ đồng. Giải quyết việc làm cho 1.300 - 1.500 lao động/năm.

Xây dựng từ 1-2 làng nghề điển hình thành làng nghề văn hóa - du lịch; xây dựng và công nhận 3 - 4 làng nghề đạt tiêu chí.

Toàn tỉnh có 25 cơ sở đào tạo nghề. Đào tạo nghề cho 78.900 lao động nông thôn (bình quân khoảng 15.780 lao động/năm). Tỷ lệ lao động qua đào tạo 40%. Mỗi xã có ít nhất 1 ngành nghề sản xuất TTCN và ngành nghề nông thôn.

## II. NHIỆM VỤ

### 1. Phát triển nông nghiệp

#### 1.1. Trồng trọt, chăn nuôi

Giữ ổn định diện tích sản xuất lúa, giảm mạnh diện tích tái sinh, tăng diện tích lúa 2 vụ. Tiếp tục phát triển diện tích vùng lúa thâm canh cao sản, trong đó tập trung chuyển đổi cơ cấu giống lúa chất lượng cao và thực hiện nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích; hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả theo tiêu chuẩn VietGap; chuyển đổi mạnh rừng trồng kém hiệu quả, rừng tự nhiên nghèo đủ điều kiện sang trồng cao su theo quy hoạch được duyệt; mở rộng các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh về cây công nghiệp, rau quả, sản nguyên liệu và các loại cây trồng khác phù hợp với tiềm năng lợi thế của vùng, địa phương.

Nghiên cứu, trình diễn, nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả và sản xuất; áp dụng cơ giới hóa khâu làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản để giảm sức lao động, tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập.

Phát triển mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, tập trung, trang trại, đảm bảo an toàn dịch bệnh, sớm hoàn thành việc xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, xử lý chất thải, giữ gìn vệ sinh môi trường; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, tăng quy mô đàn bò lai, đàn lợn ngoại, phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc; phát triển chăn nuôi gia cầm hướng trứng, thịt và chăn thả có kiểm soát.

Chú trọng và thường xuyên làm tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn, khống chế, dập tắt các dịch bệnh, đặc biệt là các loại dịch bệnh nguy hiểm không để phát sinh, lây lan rộng. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo và khuyến khích thu hút đầu tư để sớm hoàn thành xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch.

### **1.2. Thủy sản**

Đẩy mạnh khai thác thế mạnh về kinh tế biển; chú trọng và tăng cường năng lực đánh bắt xa bờ, khai thác các đối tượng có giá trị xuất khẩu, đưa tỷ trọng sản phẩm có giá trị xuất khẩu chiếm 35 - 40% tổng sản lượng thủy sản. Phát triển nhanh đội tàu trên 90 CV, trang bị đầy đủ máy định vị, dò cá, thông tin liên lạc tầm xa có định vị GPS. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước để phát triển khai thác thủy sản vùng biển xa bờ đi đôi với tăng cường công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ; không phát triển loại tàu dưới 30 CV, từng bước chuyển dần lao động nghề cá ven bờ sang

sản xuất dịch vụ và một số ngành kinh tế khác; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển của tỉnh. Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời nâng cao năng lực quản lý, vận hành phát huy hiệu quả của công trình phục vụ cho phát triển khai thác thủy sản.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch và nâng cao hạ tầng nuôi trồng thủy sản, đảm bảo đủ điều kiện nuôi bán thâm canh, thâm canh, áp dụng công nghệ sinh học theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao. Ưu tiên phát triển tôm thẻ chân trắng, các đối tượng nuôi có chất lượng, giá trị kinh tế cao, phù hợp với từng thủy vực theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất và dịch vụ đảm bảo số lượng, chất lượng giống thủy sản, thức ăn và phòng trừ dịch bệnh cho nhu cầu nuôi của tỉnh; triển khai thực hiện Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định 332/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Từng bước hiện đại gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở công nghiệp chế biến thủy sản hiện có, chú trọng phát triển các ngành nghề chế biến thủy sản truyền thống của địa phương, ưu tiên sản xuất các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng, sản phẩm ăn liền phục vụ nhu cầu khách du lịch, phấn đấu xây dựng thương hiệu cho một số mặt hàng chế biến thủy sản.

### **1.3. Lâm nghiệp**

Quản lý và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch 3 loại rừng trong giai đoạn mới, trồng mới 25.000 ha rừng, trong đó có 4.000 - 5.000 ha cao su.

Quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp, phát triển vốn rừng cả về số lượng, chất lượng; hoàn thành sớm công tác giao đất, cho thuê gắn với giao rừng, thuê rừng cho các Công ty, Ban quản lý rừng phòng hộ, hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở cho đầu tư, phát triển và sử dụng rừng bền vững, ổn định. Phát triển kinh tế vùng gò đồi, kết hợp giữa phát triển cây lâm nghiệp, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày...

Xúc tiến đầu tư hạ tầng lâm nghiệp theo quy hoạch để phục vụ tốt cho công tác trồng, bảo vệ rừng, khai thác lâm sản đảm bảo hiệu quả bền vững.

Hoàn chỉnh việc xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng bền vững; tổ chức lại hệ thống chế biến gỗ và lâm sản. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến các sản phẩm chủ lực. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

#### **1.4. Thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**

Lập quy hoạch thủy lợi vùng Tuyên - Minh Hóa; rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi lưu vực sông Gianh, sông Nhật Lệ và vùng phụ cận nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; quy hoạch chi tiết tiêu thoát úng một số vùng thấp trũng nhất là vùng Hoàn - Vạn - Phú, huyện Bố Trạch.

Hoàn chỉnh các công trình xây dựng dở dang nhằm phát huy hiệu quả; điều tra, lập hồ sơ về các thông số và hiện trạng công trình thủy lợi do địa phương quản lý; rà soát, điều chỉnh phân cấp và nâng cao năng lực quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do địa phương quản lý; ban hành một số quy định cụ thể về công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, hoàn thiện quy định mức thu thủy lợi phí, công tác lập và quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí.

Ưu tiên nâng cấp hệ thống đê, kè tả hữu sông Gianh, Lý Hòa, Roòn, Nhật Lệ để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; lập dự án đầu tư các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những vùng xung yếu; xây dựng bản đồ ngập lụt cho các lưu vực sông Gianh, Nhật Lệ phục vụ công tác dự báo, phòng tránh lũ lụt.

Xây dựng các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ưu tiên xây dựng các công trình cấp nước sạch vùng sâu, vùng xa, các xã bãi ngang, cồn bãi.

#### **1.5. Phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp để phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục hỗ trợ để phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp trong sản xuất nông-lâm-thủy sản; hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của các HTX yếu kém nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của bộ máy Ban quản trị.

Tiếp tục thành lập mới, đổi mới nâng cao chất

lượng hoạt động của các Tổ đoàn kết khai thác hải sản trên biển, tổ quản lý cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản, từng bước nâng lên thành Tổ hợp tác sản xuất trong khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt đề án phát triển kinh tế trang trại, hình thành các vùng trang trại tập trung sản xuất hàng hóa lớn, nhất là đối với các loại hình trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trang trại trồng cây công nghiệp dài ngày, cây lâm nghiệp; khuyến khích các chủ trang trại liên kết, hình thành các câu lạc bộ trang trại.

Quan tâm phát triển kinh tế hộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn nhiều khó khăn.

Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo lộ trình.

**1.6. Tổ chức thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là Chương trình xây dựng nông thôn mới;** tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện miền núi Minh Hóa và Đề án thí điểm phát triển bền vững kinh tế-xã hội, giảm nghèo và phòng, chống thiên tai tại 32 xã vùng bãi ngang, cồn bãi tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015...

### **2. Phát triển ngành nghề nông thôn**

#### **2.1. Các ngành sản xuất**

a. Ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản

Tiếp tục đầu tư xây dựng thương hiệu một số làng nghề truyền thống như: Bún bánh mè xát Tân An; rượu Tuy Lộc, Vỡ Xá, Vạn Lộc; khoai gieo Hải Ninh, nước mắm Cảnh Dương, Bảo Ninh, Quy Đức - Đức Trạch, Ngư Thủy, Quảng Xuân...

Đầu tư mới từ 1-2 cơ sở chế biến thịt đóng hộp các loại với công suất 50-100 tấn SP/năm ở Đồng Hới, Tuyên Hóa.

Nhân rộng mô hình chế biến thủy sản cao cấp ăn liền tại xã Thanh Trạch cho các cụm điểm tiêu thụ công nghiệp như Cảnh Dương, Bảo Ninh. Đồng thời hình thành một số cơ sở chế biến tôm chua, dưa, cà kiệu đặc sản ở Đồng Hới, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy.

Khôi phục và phát triển các cơ sở chế biến tinh dầu trầm, sả và các loại hương liệu thực vật khác.

b. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, cơ khí nhỏ

Đầu tư hoàn thiện các cơ sở hiện có để sản xuất các mặt hàng chạm khắc cao cấp, đồng thời hình thành một số cơ sở điêu khắc từ sản phẩm gỗ, đá ở Đồng Hới, Quảng Trạch, Bố Trạch; mở rộng cơ sở thêu ren ở Đồng Hới, Lệ Thủy.

Khuyến khích đầu tư đồng bộ các cơ sở sản xuất bàn ghế học sinh và thiết bị trường học với quy mô lớn hơn, đảm bảo cung cấp và thay thế đồ dùng, giáo cụ trực quan cho các trường học trong phạm vi toàn tỉnh.

Duy trì, phát triển các mặt hàng truyền thống, đồng thời khuyến khích phát triển mạnh mặt hàng mây tre mỹ nghệ ở các vùng nghề, làng nghề ở Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Quảng Ninh đạt 1 triệu SP/năm.

Mở rộng cơ sở chiếu trúc và bàn ghế song mây đạt quy mô 50.000 m<sup>2</sup>/năm và 200 bộ bàn ghế song mây/năm phục vụ xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất chiếu cói có chất lượng cao với quy mô từ 200.000 - 250.000 chiếc/năm ở huyện Lệ Thủy.

Phát triển cơ khí sửa chữa, chế tạo một số máy móc, phương tiện, phụ tùng thay thế thông thường phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp như máy sấy, máy tuốt lúa, gặt đập liên hợp, làm đất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch; phát triển các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá ở Cảnh Dương, Thanh Khê, Đúc Trạch, Bảo Ninh...

c. Phát triển nghề xây dựng, vận tải và dịch vụ khác trong nội bộ xã

Phát triển các ngành nghề xây dựng, vận tải liên thôn, liên xã và các dịch vụ khác để tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa với quy mô mỗi nghề đạt tối thiểu 1 cơ sở/xã vùng sâu, vùng cao và 2-3 cơ sở/xã vùng đồng bằng, đô thị. Phấn đấu thực hiện khoảng 40-45% nhu cầu hàng hóa, dịch vụ tại địa phương; hình thành Hội nghề nghiệp như Hội xây dựng, vận tải.

## **2.2. Bảo tồn và phát triển làng nghề**

a. Khôi phục làng nghề truyền thống

Chế biến hải sản: Phường Hải Thành, xã Quang Phú (TP. Đồng Hới); thôn Văn Phú xã Quảng Văn, thôn Đông Thành xã Quảng Minh (huyện Quảng Trạch).

Chế biến nước mắm xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch.

Mộc mỹ nghệ thôn Quảng Cư thị trấn Kiến

Giang (huyện Lệ Thủy), thôn Hòa Ninh xã Quảng Hòa (huyện Quảng Trạch).

Chế biến tằm tơ huyện Tuyên Hóa.

Rèn đúc Hoàng Giang xã Xuân Thủy huyện Lệ Thủy.

Chế biến bún bánh Dinh Mười xã Gia Ninh huyện Quảng Ninh.

b. Phát triển làng nghề mới

Chế biến hải sản, nước mắm, mộc mỹ nghệ, vật liệu xây dựng: Phú Hải (Đồng Hới), Nhân Trạch, Thanh Trạch, Hải Trạch (huyện Bố Trạch).

Mây tre đan, chổi đót, sản xuất cơ khí: Quảng Phương, Quảng Lưu, Cảnh Hóa, Phù Hóa (huyện Quảng Trạch), Văn Hóa, Mai Hóa (huyện Tuyên Hóa), Duy Ninh, Hàm Ninh (huyện Quảng Ninh).

Chế biến lâm sản: Sơn Thủy, Phù Thủy (huyện Lệ Thủy), Yên Hóa (huyện Minh Hóa).

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về quy hoạch và huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất**

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, huyện, thành phố và các quy hoạch ngành nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi đến năm 2020 để triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch chi tiết đối với từng lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, trồng và khai thác rừng, quy hoạch phát triển trồng trọt, chăn nuôi phải phù hợp với từng đối tượng cây trồng, vật nuôi, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái, địa phương; quy hoạch phát triển khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải gắn với sắp xếp bố trí lại dân cư, nghề hợp lý ở một số vùng bãi ngang; quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản phải gắn với nâng cấp hạ tầng vùng nuôi thủy sản, phát triển hạ tầng vùng sản xuất giống thủy sản; triển khai thực hiện quy hoạch phát triển cao su, quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào; xây dựng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện, xã làm căn cứ để thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn từng huyện, thành phố. Tiếp tục thực hiện giao đất, giao rừng cho tổ chức và hộ gia đình, cá nhân yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh.

Triển khai lập quy hoạch để hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu trồng dâu, nuôi tằm, gỗ nguyên liệu, trồng dược liệu, phân vùng khoanh nuôi, bảo vệ các loại song mây, giang, tre nứa và

vùng trồng mới nguyên liệu mây để cung cấp nguyên liệu ổn định cho các cơ sở sản xuất.

Tranh thủ các nguồn vốn ngân sách tập trung từ các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư hạ tầng kỹ thuật phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; tranh thủ nguồn vốn các dự án định canh, định cư, vốn dự án 32 xã bãi ngang, cồn bãi, vốn xây dựng nông thôn mới để đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới; đồng thời tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp và nguồn vốn sẵn có trong nhân dân để đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn.

Tạo môi trường đầu tư thuận lợi kêu gọi, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, các thành phần kinh tế bằng cơ chế, chính sách thông thoáng, thủ tục nhanh gọn để đầu tư phát triển kinh tế-xã hội vùng nông thôn miền núi.

## 2. Về khoa học công nghệ, tuyên truyền, khuyến nông-khuyến ngư

Triển khai các đề tài khoa học và các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư có hiệu quả để nhân rộng vào sản xuất, nhất là các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng nông-lâm nghiệp, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao như: Giống lúa, ngô, lạc, cao su, giống gia súc, gia cầm, cá, tôm... Áp dụng quy trình canh tác tiên tiến, quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt như trồng lạc mật độ cao, che phủ nilon; sản xuất rau an toàn theo hướng VietGap, nuôi tôm, cá theo quy trình sinh học, mô hình GAP, Coc... để tiết kiệm chi phí sản xuất, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và hạn chế sự ảnh hưởng bất thuận của điều kiện thời tiết. Nghiên cứu chọn lọc, cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng các loại giống cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp, thủy sản địa phương có nguồn gen quý, đồng thời du nhập các giống thuần ngoại chất lượng cao (bò, lợn, gia cầm, tôm bố mẹ...) để lai tạo, sinh sản tạo ra giống vật nuôi tốt; nâng cao chất lượng và thể trọng đàn bò, nạc hóa đàn lợn và chất lượng đàn cá, tôm giống bố mẹ. Tăng cường hợp tác, liên kết với các Trường đại học, Viện, Trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiếp nhận các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến áp dụng vào sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp,

cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề nông thôn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới thiết bị máy móc, cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; khuyến khích thi đua lao động sáng tạo trong nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền quảng bá tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, thị trường và giá cả sản phẩm để nâng cao nhận thức hiểu biết của nông dân nhằm thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, góp phần chuyển đổi, phát triển nhanh nông nghiệp chất lượng, giá trị cao.

## 3. Về cơ chế, chính sách

Trong trồng trọt và chăn nuôi tiếp tục tăng cường nguồn vốn khuyến khích phát triển sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế hàng hóa cao như hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, giống tiến bộ kỹ thuật cho nông dân.

Trong thủy sản tiếp tục chính sách hỗ trợ sản xuất giống thủy sản là tôm thẻ chân trắng và các đối tượng mới có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ các hộ nuôi thủy sản bị rủi ro thiên tai, dịch bệnh; tăng cường công tác quản lý môi trường và kiểm dịch; hỗ trợ, khuyến khích ngư dân phát triển đánh bắt hải sản vùng biển xa, hỗ trợ ứng dụng công nghệ mới khai thác, thiết bị an toàn hàng hải; chuyển đổi mạnh nghề đánh bắt hải sản ven bờ.

Trong lâm nghiệp có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, hộ gia đình bỏ vốn sản xuất kinh doanh phát triển vốn rừng, kinh doanh rừng có hiệu quả; có chính sách ưu đãi cho các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, chuyển đổi tập quán sản xuất nương rẫy sang bảo vệ rừng, khoanh nuôi, trồng rừng; phát triển lâm nghiệp gắn liền với công tác định canh, định cư và phát triển kinh tế-xã hội.

Trong thủy lợi, có chính sách hỗ trợ phát triển, củng cố các HTX, kinh tế trang trại, xây dựng nông thôn mới; ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp để khắc phục rủi ro thiên tai, dịch bệnh, giá cả... theo nguyên tắc ngân sách hỗ trợ một phần, nông dân tham gia đóng góp và các nguồn hợp pháp khác.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước...) đến chân hàng

rào, thực hiện các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế, hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các cơ sở giống, trang trại trồng trọt, chăn nuôi tập trung, sản xuất thủy sản, cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, sản, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung...

Về ngành nghề nông thôn, thực hiện tốt chính sách thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển NNNT như hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, chính sách giao và cho thuê đất, đồng thời cụ thể hóa các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với điều kiện của tỉnh; đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn vay vốn ưu đãi, miễn giảm tiền thuê đất trong việc đầu tư xây dựng cơ sở phát triển sản xuất, kinh doanh; khuyến khích mở rộng diện tích trồng cây nguyên liệu cho phát triển làng nghề; tăng cường hợp tác trao đổi, hình thành các cơ sở đầu mối lớn của tỉnh để thuận lợi trong việc ký kết hợp đồng thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở sản xuất ngành nghề.

#### **4. Tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại**

Có chính sách đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm, phát triển thị trường, tăng cường tiếp thị quảng bá sản phẩm nông - lâm - thủy sản và ngành nghề nông thôn; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ công, tư để phục vụ sản xuất: cung cấp đầu vào, thu mua, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở, hộ sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; tăng cường liên doanh, liên kết giữa các nhà máy chế biến với các vùng nguyên liệu, thực hiện tốt chương trình liên kết 4 nhà trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

#### **5. Đào tạo nguồn nhân lực**

Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao kiến thức kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản cho nông dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt quy chế quản lý, tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật và hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước cho các cơ quan chuyên môn quản lý nông nghiệp từ tỉnh xuống cơ sở, nhất là những xã vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; đồng thời tăng cường cán bộ kỹ thuật và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động cho hệ thống bảo vệ thực vật, khuyến

nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chú trọng xây dựng mạng lưới cộng tác viên cơ sở; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành; hoàn chỉnh hệ thống cơ quan tham mưu quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp các cấp; sắp xếp, đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng kiểm lâm theo Nghị định 119/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu về quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình dạy nghề và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2011-2020; nâng cao hiệu quả đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề, nhất là các trung tâm dạy nghề các huyện, TP, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi thông qua chính sách để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cơ sở dạy nghề; tiếp tục mở rộng đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao tay nghề cho số lao động có tay nghề khá ở các địa phương để tạo ra đội ngũ thợ giỏi, thợ đầu đàn trong các nhóm nghề như mây tre đan xuất khẩu, nón lá, đồ gỗ mỹ nghệ, thêu ren, chạm khắc, điêu khắc...; nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong công tác đào tạo nghề; thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề đối với lao động, giáo viên, cơ sở dạy nghề.

#### **6. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về nông nghiệp và ngành nghề nông thôn**

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính theo Đề án 30 của Chính phủ, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo giải quyết các thủ tục nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, nông dân yên tâm đầu tư phát triển SXKD; đồng thời tạo bước đột phá mới về chất trong việc nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường kỷ luật hành chính, kỷ luật công vụ, đề cao trách nhiệm của cán bộ công chức trong thực thi công vụ, sâu sát cơ sở để nắm bắt tình hình, tham mưu đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc, nhất là địa bàn vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn để phục vụ tốt sản xuất không làm ảnh hưởng bất lợi, gây thiệt hại cho nông dân.